

tù nhân, từng đợt địch lại phân loại để đày ra Phú Quốc, Côn Đảo, tạo một sức ép căng thẳng về tư tưởng, thôi thúc anh em phải sớm phá khám để trở về. Chủ trương phổ biến kế hoạch nổi dậy cho khoảng 300 cán bộ, đảng viên trung kiên là phù hợp với thực tế và khả năng lúc đó. Mặt khác, Đảng ủy cũng đã dự kiến đến tình huống sau vượt ngục, địch sẽ khủng bố, trả thù số cán bộ, đảng viên còn ở lại trong tù. Do vậy, trong chỉ đạo nổi dậy, Đảng ủy chủ trương không gây tử thương đối với bọn giám đốc, giám thị, binh lính gác nhà tù. Phân công cấp ủy ở lại để tiếp tục lãnh đạo đấu tranh với địch. Sách lược của Đảng thể hiện rõ ràng tư tưởng cán bộ, đảng viên Cộng sản nổi dậy phá khám chỉ nhằm một mục tiêu duy nhất là được trở về với nhân dân, với cách mạng để tiếp tục chiến đấu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

### **3. Nắm đúng thời cơ, thực hành nổi dậy kiên quyết, nhanh chóng, táo bạo và bất ngờ**

Ngày N giờ G của cuộc phá khám Tân Hiệp là ngày chủ nhật 02.12.1956, vào lúc mười bảy giờ năm mươi phút, giờ địch gõ keng để đưa tù nhân vào trại giam. Ngày chủ nhật là ngày bọn lính gác bộc lộ nhiều sơ hở trong canh gác. Vào giờ đó (mười bảy giờ ba mươi phút), bọn lính gác thay ca, bàn giao ca gác mới, phải đi nhận súng và chờ tù nhân vào hết trại mới lên tháp gác.

Cuộc nổi dậy phá khám tiến hành sau tháng 07.1956 nhằm mục đích chính trị, gây tiếng vang lớn, vạch trần bản chất xâm lược của đế quốc và tay sai khi chúng xé nhỏ Hiệp định Genève (Theo tinh thần Hiệp định : Sau hai năm, tức tháng 07.1956 sẽ tổ chức Tổng tuyển cử thống nhất đất nước). Sau hai năm mong chờ, cuộc Tổng tuyển cử không có. Cán bộ, đảng viên và nhân dân miền Nam nói chung, anh em trong nhà tù Tân Hiệp nói riêng, càng thôi thúc phải đấu tranh và bằng mọi cách phải trở về chiến đấu. Thời cơ đó càng tạo thêm quyết tâm cho cán bộ, đảng viên đang bị địch giam giữ tại đây.

Đảng ủy cũng đã tạo mọi điều kiện để khi thời cơ đến, lực lượng có thể nắm lấy và hành động thắng lợi. Đó là việc tổ chức các sinh hoạt, tạo không khí hòa hoãn để che mắt địch, làm cho địch mất cảnh giác, hoàn toàn không biết được chủ trương và kế hoạch nổi dậy của các đồng chí ta trong nhà tù Tân Hiệp.

Kế hoạch nổi dậy được Đảng ủy chỉ đạo như một trận đánh vũ trang kết hợp với nổi dậy, và tất cả đều diễn ra bên trong nhà tù. Theo thuật ngữ quân sự ngày nay, đó là một trận đánh “kỳ tập” kết hợp với nổi dậy, điểm nổi bật là lực lượng xung kích tấn công địch, và lực lượng nổi dậy đều là những cán bộ, đảng viên đang bị chúng giam giữ.

Khi thời cơ nổ ra, lực lượng xung kích và nổi dậy đã tiến hành kiên quyết, nhanh gọn đúng theo kế hoạch tác chiến của Đảng ủy : Bắt và khống chế Ban Giám đốc, giám thị nhà tù; bắt trói lính gác, cướp súng, cắt đường dây điện thoại... Hành động kiên quyết, nhanh chóng, bất ngờ, bí mật của lực lượng xung kích đã hạn chế được tổn thất và làm địch không kịp trở tay đối phó (tên gác công chỉ kịp bắn một phát súng lên trời, đã bị anh em ta khống chế ngay).

\*\*\*

Ngay sau cuộc nổi dậy phá khám ngày 02.12.1956, Mỹ - Diệm đã tăng cường thêm lực lượng bảo vệ nhà tù, mở rộng và xây dựng kiên cố thêm các trại giam bằng tường gạch. Vòng rào, tháp canh đều được xây dựng vững chắc hơn.

Cho đến trước ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng Mỹ và bọn tay sai đã giam giữ và chuyển lên Tân Hiệp trên mười ngàn tù nhân, hầu hết là đảng viên cộng sản và người yêu nước khắp miền Nam.

Cuộc đấu tranh do Đảng lãnh đạo trong nhà tù Tân Hiệp đã diễn ra liên tục để chống chế độ dã man, tàn bạo của Mỹ ngụy. Lớp tù chính trị này bị chuyển đi Côn Đảo, Phú Quốc thì lớp tù chính trị từ nơi khác chuyển về Tân Hiệp, lại tiếp tục đấu tranh, phát huy truyền thống bất khuất của ngày 02.12.1956.

Từ sau Hiệp định Paris (27.1.1973), nhiều cuộc vượt ngục tiếp tục diễn ra, tuy quy mô không lớn nhưng đã thành công, bổ sung cho cách mạng miền Nam một số cán bộ nòng cốt.

Cuộc nổi dậy phá khám ngày 02.12.1956 diễn ra trong bối cảnh Mỹ ngụy đang tăng cường khủng bố cách mạng, là tiếng chuông báo hiệu cách mạng miền Nam đang chuyển mình sang một thời kỳ đấu tranh mới. Nhà tù Tân Hiệp và cuộc nổi dậy vượt ngục ngày 02.12.1956 của gần năm trăm người cộng sản và chiến sĩ yêu nước không chỉ là một chứng tích tố cáo tội ác của Mỹ ngụy, mà còn là một di tích cách mạng thể hiện lý tưởng, tinh thần và ý chí cách mạng của cán bộ, đảng viên, nhân dân Biên Hòa nói riêng và miền Nam nói chung.

Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp (Biên Hòa) mãi mãi là niềm tự hào của những thế hệ chiến sĩ cách mạng đã qua và thế hệ trẻ Biên Hòa, Đồng Nai đang nối bước cha anh, viết tiếp trang sử hào hùng của dân tộc.

## **PHỤ LỤC KỶ NIỆM SÂU SẮC TRÊN ĐƯỜNG VƯỢT NGỤC**

**Nguyễn Văn Chuộng**

Đồng chí Nguyễn Văn Chuộng (tức Sáu Chuộng), sinh năm 1913. Cán bộ Trí vận tỉnh Chợ Lớn, bị địch bắt ngày 01.12.1955 tại xã Long Hiệp. Trong tù, được Đảng ủy phân công làm Tổng đại diện kiêm Tổng trật tự nhà tù. Trong quá trình vượt ngục, được phân công chỉ huy đoàn người vượt ngục trở về đơn vị.

Sau vượt ngục, đồng chí về công tác tại Văn phòng Trung ương cục miền Nam, giữ chức vụ Phó Văn phòng. Sau năm 1975, đồng chí giữ chức Chánh Thanh tra Nhà nước tỉnh Long An.

*Ban biên soạn*

Đã qua mười ngày nhịn đói chỉ uống nước suối cầm hơi, tinh thần anh em vẫn hăng hái. Muốn về Bà Rịa đoàn phải vượt qua Quốc lộ 1 một lần nữa - con

đường mà đêm 02.12.1956 đoàn đã vượt qua một lần. Chúng tôi định vượt qua ở khúc đường tương đối vắng, đó là khoảng giữa nhà tù Tân Hiệp và thị trấn Trảng Bom, nhưng vì không ai thạo đường, chỉ nhắm hướng mà đi nên đi không đúng ý định. Một buổi chiều nghe tiếng xe chạy, chúng tôi mới biết đoàn chỉ cách quốc lộ vài trăm thước. Trời nhá nhem tối, không ai biết đây là đâu. May mắn thay chúng tôi gặp hai chị phụ nữ ở độ tuổi trung niên cũng từ phía rừng đi ra. Mừng quá ! Chúng tôi gọi hai chị dừng lại. Vừa thấy chúng tôi, hai chị biết ngay là tù vượt ngục nên chẳng có vẻ gì lo sợ. Tôi đến gặp hai chị, vừa hỏi hai chị đây là đâu ? Hai chị biết tâm trạng của chúng tôi lúc này đang bối rối, hai chị liền nói luôn : “Đây là thị trấn Trảng Bom. Hôm các anh vượt ngục, bà con ở đây biết tin liền; người ta phong tỏa khu này ghê lắm. Trên quốc lộ mỗi khúc đường có một lính gác ngày đêm, họ thay phiên nhau gác đến mười ngày rồi, họ cấm dân chúng không ai được vào rừng. Nay là ngày thứ mười, họ mới thôi phong tỏa. Chị em tôi thấy lính rút đi hết mới dám đi thử vào rừng hôm nay đây”.

Thấy hai chị có ý tốt, tôi liền nói thật là đoàn muốn qua Quốc lộ một, ở khúc dưới kia vắng vẻ nhưng vì không thạo đường rừng mới đi chệch hướng về đây, may mắn gặp được hai chị, xin hai chị vui lòng dẫn đường cho chúng tôi qua lộ. Hai chị bằng lòng và nói : “Đi ngang qua khúc này cũng được”. Hai chị bị tự phân công nhau. Một chị lên đường quan sát tình hình, một chị ở lại với đoàn. Trong vòng mười phút, chị đi quan sát trở lại và nói : “Tình hình yên tĩnh, đi qua được”. Tôi liền góp ý đề nghị một chị dẫn đầu đoàn đi trước, một chị ở lại đi phía sau đoàn, nếu có xe chạy cắt ngang đội hình, khúc sau phải tạm ngừng thì khúc trước vẫn đi theo chị dẫn đầu đi luôn, khúc sau bám theo chị ở sau đoàn, xe chạy qua rồi tiếp tục qua lộ. Hai chị là người địa phương quen thuộc đường đi nước bước, dẫn đường cho chúng tôi trong đêm tối mà dễ dàng như đi trong vườn nhà mình.

Đoàn qua quốc lộ rồi thì đi ngang qua vườn ươm cây khá rộng (vườn của Sở Lâm nghiệp ươm cây giá tị), sau đó qua đường rày xe lửa, đi độ ba trăm thước nữa thì tới bìa rừng. Hai chị nói : “Tới đây an toàn cả rồi ! Các anh nghỉ chân một chút. Các anh chịu khó chờ lồi mười lăm phút, chúng tôi chạy về nhà gọi chồng chúng tôi lấy xe đạp chở biểu các anh một bị gạo ăn đỡ lòng”. Tôi thay mặt anh em cảm ơn hai chị. Ở đây tuy có an toàn nhưng còn gần đồn bót địch, chúng tôi đông anh em quá, cần đi xa càng sớm càng tốt. Chúng tôi đề nghị hai chị vui lòng nhường lại cho hai con rựa cầm tay để đoàn làm phương tiện đi đường. Hai chị sẵn sàng hiến cho hai con rựa một cách vui vẻ - (Đó là phương tiện hằng ngày để hai chị đi bứt dây mây). Anh em chúng tôi vừa vui mừng vừa cảm động trước thái độ ân cần và nhiệt tình của hai chị.

Trong phút chia tay hai chị chỉ đường cho anh em tiếp tục đi. Đêm tối, không ai trông rõ mặt nhau, nhưng qua giọng nói run run của hai chị - tiếng nói cảm thông và xúc động của hai chị trước tình cảnh gian nan của đoàn chúng tôi.

Qua cuộc tao ngộ ngắn ngủi này trước cử chỉ và hành động cao quý của hai chị phụ nữ bình thường, chúng tôi vô cùng khắc ghi kỷ niệm đầu tiên và sâu sắc về lòng dân đối với cách mạng. Đây là nguồn động viên mạnh mẽ đối với chúng tôi trên bước đường sắp tới.

(Trích hồi ký của đồng chí Nguyễn Văn Chương, nguyên Trưởng đoàn tù vượt ngục Tân Hiệp)

## HOÀN CẢNH VÀ TÂM TRẠNG CỦA NHỮNG NGƯỜI TÙ CHÍNH TRỊ TRƯỚC VÀ SAU CUỘC NỔI DẬY PHÁ KHÁM TÂN HIỆP

**Đỗ Văn Chương**

Đồng chí Đỗ Văn Chương (Ba Liên) sinh năm 1924, cán bộ địch vận Sài Gòn - Chợ Lớn, bị địch bắt tháng 06.1956 tại Phú Lâm. Sau khi vượt ngục, đồng chí về công tác tại tỉnh Bà Rịa, là một trong những người đầu tiên xây dựng lực lượng vũ trang Bà Rịa. Đồng chí từng giữ chức vụ Trung đội trưởng. Tiểu đoàn trưởng D445 anh hùng, Trung tá QĐND, Phân khu ủy viên. Sau ngày miền Nam giải phóng, đồng chí trải qua chức vụ Trưởng ban Tổ chức chính quyền. Giám đốc Sở TBXH Đồng Nai. Ủy viên Ban chấp hành Tỉnh ủy.

*Ban biên soạn*

Đến trung tâm Huấn chính nên Hòa, chúng đưa tôi vào trại C. Ở đây được hơn một tháng, lúc đầu mới vào trại do nhiều thành phần chưa phân biệt được ai là tù chính trị, ai là tù thường án... nên việc ăn ở trong trại rất phức tạp. Ngày đầu phải nằm gôn cầu tiêu, nằm chèn ép như cá mắm, đêm không ngủ được cứ thức ngồi gật giường.

Trại C là trại đầu tiên nhận người từ nơi khác đến cho nên số người vào ra thất thường, có ngày có đến 10 đến 15 người. Lúc vào thì thế nhưng lúc ra thì đông hơn có nghĩa là chúng đưa anh em qua trại khác hoặc đưa đi đánh đập, khảo tra. Ăn cơm mỗi ngày hai bữa, thức ăn bằng cá khô. Những ngày sau đó, do ta đấu tranh buộc chúng phải mở cửa một ngày hai buổi, buổi sáng mười giờ, buổi chiều bốn giờ. Những giờ mở cửa là chúng tôi tranh thủ đi kiếm cơm cháy bỏ vào túi cho khô đi và cất giấu để phòng khi vượt ngục có lương thực để ăn.

Việc quan hệ móc nối của tôi bắt đầu từ trại giam Chợ Lớn. Những anh em ở đây lâu, khi thấy tôi mới vào bị đánh đập, thân thể máu chảy bầm tím, quần áo rách nát thì anh em nhiệt tình giúp đỡ. Có những anh em người Sóc Trăng, Chợ Lớn, Cà Mau có gia đình tiếp tế nên có thức ăn và dầu xoa bóp, anh em đã dùng những thứ đó xoa bóp chăm sóc những vết thương cho tôi. Ở đây, tôi còn quan hệ với một số anh em người Hoa, lúc đầu tôi nhờ dạy tiếng Hoa, dạy toán, sau đó tôi tìm hiểu và biết đó là những đảng viên cộng sản. Trong ngày 01 tháng 10 là ngày Quốc khánh Trung Hoa, anh em mời tôi dự lễ kỷ niệm, tình cảm gắn bó ngày càng thấm thía.

Từ những ngày quen biết ở trại giam Chợ Lớn đến trại Tân Hiệp, chúng tôi ngày càng gắn bó với nhau và sau đó tôi được giới thiệu với đồng chí Bảy BK (Nguyễn Duy Đán), tôi được biết đó là đồng chí lãnh đạo, có liên lạc với bên ngoài.

Trong việc tổ chức nổi dậy phá khám Tân Hiệp, tôi được sự phân công của đồng chí Sơn (đồng chí này sau ra tù mới biết là đồng chí Thành). Khi tôi còn hoạt động ở Chợ Lớn, chúng tôi đã liên hệ với nhau, trong tù đồng chí này bị giam ở trại E, do có quen biết từ trước nên mỗi khi có tin tức tình hình thì cho nhau biết.

Ý định tổ chức phá trại là vào chiều thứ bảy. Tôi được phân công không chế tên lính gác ở cửa ra vào. Ngày hôm đó, anh em chuẩn bị quần áo, có người mặc đến hai, ba bộ chỉ chờ có ám hiệu là xung phong. Trong những giây phút này sao mà quan trọng hồi hộp đến thế... Cứ chờ mãi đến lúc bọn lính làm thủ tục chào cờ, sau khi chào cờ xong, ngày thường thì bọn lính bỏ súng vào kho rồi đi chơi, nhưng hôm đó chào cờ xong thì bọn lính lại quây quân chung quanh cột cờ. Phút giây chờ đợi thiêng liêng đó dần dần đi qua, mọi người nhìn nhau lo lắng, không thấy ám hiệu mà hồi keng thu người vào trại đã đánh ra, mọi người nhìn nhau mắt dục, mắt ngang... Tiếng keng vừa dứt, tôi giả bộ đi tiểu tiện để kéo dài giây phút chờ đợi, nhìn anh em kéo nhau lần lượt vào trại mà lòng tôi se lại, cửa trại đóng kín mà những đôi mắt vẫn hướng ra trông chờ. Cả đêm hôm đó, chúng tôi ngủ không yên giấc, cứ thao thức và nghĩ là bị lộ. Chờ đến sáng, mọi việc vẫn diễn ra như cũ, lúc đó chúng tôi mới thở phào nhẹ nhõm.

Chỉ một ngày hôm sau (02.12.1956) là thực hiện được ý nguyện nung nấu của chúng tôi.

Trên đường về Bà Rịa chúng tôi đã hết lương thực, có anh em đói bụng không đi được nữa đoàn phân công anh em khỏe dìu đi nhưng sức người có hạn, những anh em đó không đi được nữa đành phải nằm lại. Những anh em đó nói với chúng tôi : - “Chúng tôi ở lại đây khi nào bớt chúng tôi sẽ đi, dù có hy sinh thì anh em về báo lại với Đảng là chúng tôi đã hoàn thành nhiệm vụ.

Đoàn người vừa đi, vừa thỉnh thoảng cử người trèo lên cây cao để xem đã thấy núi ở Bà Rịa chưa ? Khi đoàn về đến vùng Gia Cốp thì được Tỉnh ủy Bà Rịa cử người ra đón. Trong quá trình về đến Bà Rịa, có một chuyện xảy ra thành thú vị. Đó là lúc những người đi đầu đoàn nhặt được giấy hút thuốc bằng giấy báo, anh em giở ra coi thì thấy còn chữ mà chính nội dung trong giấy báo này anh em trong tù đã xem qua, mảnh giấy báo đó được chuyền cho mọi người xem, ai ai cũng nảy ra tia hy vọng, có thể đồng bào, đồng chí mình vừa mới đi qua.

Nghỉ vậy nên đoàn ngồi nghỉ ở góc cây trám và lấy trái trám rụng xuống để ăn đỡ đói. Đoàn cử anh Hồ Thảo, tôi và hai đồng chí nữa đi tìm. Đi một hồi lâu, chúng tôi nghe được tiếng cuốc đào đất, anh Hồ Thảo vẫy anh em ngồi xuống và đi nhẹ từng bước đến gần. Bất thành linh, một tiếng quát to : “Đứng lại !”... chúng tôi giật mình, thì ra đó là đồng chí Minh (tự Minh đệt) bộ đội tỉnh Bà Rịa đi đón. Chúng tôi vui mừng và cười ra nước mắt .

Về đến Bà Rịa, chúng tôi được ăn uống đầy đủ để lấy lại sức. Sau đó Tỉnh ủy cử anh Ba Thanh tổ chức đưa các đồng chí ở các tỉnh về. Tỉnh ủy rút năm người ở lại, trong đó có tôi, anh Hồ Thảo, anh Bồn (công nhân Sài Gòn), anh Vinh (người Sóc Trăng), anh Tấn - người giữ cây trung liên. Đó là những anh em làm nòng cốt cho việc xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh Bà Rịa sau này.

*(Trích hồi ký của đồng chí Đỗ Văn Chương)*

## NHỮNG KỶ NIỆM TRÊN ĐƯỜNG VƯỢT SÔNG ĐỒNG NAI

**Phạm Văn Còn**

Đồng chí Phạm Văn Còn, sinh năm 1928, xã đội trưởng Hòa Bình, huyện Trà Ôn, Vĩnh Long. Bị địch bắt 01.1955. Đồng chí đã chỉ huy một đội xung kích trong ngày nổi dậy phá khám Tân Hiệp. Sau khi về Vĩnh Long, được phân công làm Tiểu đoàn phó. “Trần Hưng Đạo” lực lượng giáo phái Hòa Hảo. Sau đó, bị địch bắt giam ở Phú Lợi, Côn Đảo. Sau năm 1975, đồng chí công tác ở Ban Tổ chức Tỉnh ủy Vĩnh Long.

*Ban biên soạn*

Chúng tôi đã đi ròng rã hai mươi hai ngày. Đến ngày thứ hai mươi bốn thì đến mé sông Đồng Nai, chúng tôi gặp một tốp hai mươi lăm đồng chí cùng đi được tới đây, như vậy cộng lại tất cả là hai mươi tám người, vũ khí có trong tay là hai khẩu trung liên và mấy cây súng trường Mas 36.

Chúng tôi cùng bàn tính và quyết đi dọc theo sông lên phía trên, rồi mới tìm cách qua sông vì ở đây ít đá ngầm và dòng nước ít chảy xiết. Đoàn chúng tôi cứ lẳng lặng đi men

theo bờ đá, bất thành linh từ trên biển dốc có một con kỳ đà hoảng hốt chạy ào ra và té xuống sông làm cho anh em giật mình ngơ ngác. Trong đoàn chỉ có đồng chí Nga là biết đó là con kỳ đà. Đồng chí Nga lập tức chạy đến mé sông nơi con kỳ đà rớt, đột nhiên Nga nhảy xuống sông lặn một hơi, khi nổi lên tay Nga nắm chặt con kỳ đà và la to: - “Bắt được rồi!”. Thế là chúng tôi bắt được con kỳ đà khoảng tám đến mười ký, anh em phụ lại rút móng và trói hai chân ra phía sau như khúc củi, chỉ có cái đầu ngúc ngắc, miệng le lưỡi, mắt lim dim. Sau đó, anh em giao cho Nga quản lý con kỳ đà luôn.

Mặt trời sắp khuất bóng sau triền núi, chỉ còn lóit phốt những tia sáng vàng nhợt trên ngọn cây rừng. Chúng tôi phân công nhau người kiếm cây khô, người đi bứt dây mây để làm bè chuẩn bị vượt sông.

Trong một tiếng đồng hồ, chúng tôi làm việc cật lực và xong ba cái bè, làm xong thì trời tối đen như mực. Chúng tôi vát con kỳ đà và súng đạn vào giữa bè và lần lượt lộn xuống bám bè. Sau đó, đồng chí Huy hạ lệnh qua sông. Anh em tay vịn chắc bè, chân đạp nước dùng hết sức để đưa bè qua sông. Khi sắp đến bờ bên kia thì bỗng dừng: “Àm, âm!”... một chiếc bè bị đụng phải đá ngầm quay vòng vòng, nghiêng ngửa, anh em phải dùng hết sức lực chống đỡ và nhờ nước đánh bè tấp vào bờ, được anh em trợ lực, chiếc bè được đưa vào bờ an toàn.

Lên được bờ ai nấy đều đuối sức, chân tay mệt mỏi rã rời, đầu ù, ngực tức. Sau đó, chúng tôi thả bè trôi theo dòng nước để giữ bí mật vị trí qua sông đề phòng địch phát hiện. Chúng tôi cùng nhau lên bãi cát nằm nghỉ. Lúc này những vết thương do đá ngầm đã làm chúng tôi đau nhức. Nghỉ độ một tiếng đồng hồ thì anh

em thức dậy kiểm điểm quân số và biết được thiếu bốn đồng chí, trong lúc vượt sông đung đá ngầm bốn đồng chí đã bị dòng nước cuốn trôi. Chúng tôi lẳng lặng nhìn ra sông để vĩnh biệt các đồng chí.

Các đồng chí Huy, Ngà, Hiền được cử làm trinh sát dò đường. Đi được một lúc thì quay lại báo : “Gặp nhà đồng bào, nhà nhiều lắm”. Chúng tôi mừng rỡ và quên đi mệt nhọc, nhưng khi tới nơi thì là nhà không vườn trồng, bọn giặc đã đốt phá và đồng bào đã dời đi nơi khác. Anh em lục lọi và tìm được một ve keo muối, một ống quẹt và phát hiện chung quanh có rất nhiều cây khoai mì, nhưng khoai chưa có củ. Đồng chí Ngà ra lệnh cho một anh em hái một mớ đọt để vô rừng luộc ăn. Sau đó, chúng tôi tiến sâu vào rừng tìm chỗ nghỉ chân và nhúm búp luộc đọt mì ăn với muối. Lần đầu tiên chúng tôi được ăn một bữa ngon như thế ! Ăn xong, chúng tôi bàn bạc “số phận” con kỳ đà ngày mai để làm lễ truy điệu bốn đồng chí hy sinh. Nghỉ một chút, sau đó theo đội hình “tam tam” để đi tiếp. Bỗng Ngà la lớn :

- Có lửa gần đây !

Anh em dán mắt vào tay đồng chí Ngà chỉ, một ánh lửa bập bùng từ xa. Ngà, Hiền và tôi vượt lên trước tiến gần đến đồng lửa dò tình hình. Khi đến gần thì không thấy có ai cả, Ngà la lớn : “Ai đốt lửa đây ? Có phải tù vượt ngục không ? Tôi là tù vượt ngục nè !”. Bỗng có tiếng từ trong bụi rậm nói vọng ra :

- Tôi cũng là tù vượt ngục nè !

- Là ai đó ?

- Lém, tôi là Lém nè !

Chúng tôi vui mừng chạy lại ôm hôn nhau. Như vậy, sau mấy chục ngày lặn lội tìm đường về, chúng tôi lại gặp nhau và cùng nhau tìm đường đi tiếp về căn cứ...

*(Trích Hồi ký đồng chí Phạm Văn Còn).*

## **TÌNH CẢM CỦA QUÂN CHÚNG ĐỐI VỚI TÙ CHÍNH TRỊ**

**Lê Văn Công**

Đồng chí Lê Văn Công (tự Sáu - tên thật là Nguyễn Tấn Lộc), sinh năm 1929 tại Ba Tri (Bến Tre). Bị địch bắt tháng 04.1956, cán bộ Binh vận. Sau vượt ngục trở về công tác tại Bến Tre, Thư ký Ban Kinh tài tỉnh Bến Xe, sau đó làm Trưởng Ban cơ khí Trung tâm nghiên cứu nông cơ (Bộ Nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm), về hưu năm 1989.

*Ban biên soạn*

Qua cuộc hành quân truy tìm của địch, các ni cô, ni sư ở xung quanh núi Thị Vải đều hiểu rõ hoàn cảnh của anh em tù chính trị vượt ngục và ngày càng thông cảm hơn.

Mùa gió bắc lại đến, về khuya trời rét, đêm nằm trong hang đá không ngủ được vì lạnh. Tôi suy nghĩ và quyết định tìm cách liên lạc với anh em gia đình để sớm trở về đơn vị.

Một hôm, khi hoàng hôn buông xuống, tôi cùng anh Giáo dò đường mòn, lần bước theo đường ống lồ ô dẫn nước từ trên đỉnh xuống chân núi. Khi đến gần một ngôi chùa nhỏ, tôi liền lĩnh bước vào, đó là am của ni cô Năm. Chưa kịp mở lời, ni cô liền trao cho tôi một gói bánh mì khô và một ít xác bả đậu hủ, miệng niệm : “Mô Phật !” và bảo chúng tôi hãy đi mau vì bọn lính còn ở đâu đó. Hai chúng tôi trở lại núi thì trời đã tối đen, đến nơi anh em mừng rỡ cùng chia nhau ăn lót dạ và để phần cho ngày khác. Số bánh mì ít ỏi chỉ trong vài ngày lại hết, chúng tôi tiếp tục nhịn đói. Không để tình trạng này kéo dài anh em sẽ nguy kịch, tôi quyết định xuống núi tìm ni cô Năm trong một buổi trưa. Lần này không chỉ xin tiếp tế mà còn nhờ ni cô Năm móc nối liên lạc với gia đình ở Sài Gòn. Mới đầu ni cô từ chối, tỏ vẻ lo ngại và nghi ngờ. Tôi thuyết phục một hồi thì ni cô thay đổi ý định và hứa giúp đỡ. Ni cô trao giấy viết bảo tôi ghi địa chỉ và hứa vài hôm có dịp về chùa Long Vân Tự (Bà Chiểu) sẽ liên lạc giúp, sau đó cho tôi một ít gạo đem về nấu cháo cho anh em ăn. Ni cô thúc giục tôi đi mau và dặn là đừng trở lại chùa trong thời gian ni cô đi vắng. Đêm hôm đó, tôi không sao ngủ được, cứ rạo rục đợi chờ...

Thấm thoát đã hơn một tháng kể từ ngày vượt ngục, ngày ngày chúng tôi ra ngồi trên miệng hang nghe tiếng chim kêu, vượn hú bay nhảy tung tăng trên cành cây để mà chờ đợi.

Ngày Tết đến gần kề, năm ấy anh em tù chúng tôi đón xuân một trong hang đá lạnh lùng. Đêm giao thừa ngồi nhìn ánh sao trời tự do, tai nghe tiếng chuông chùa từ xa vọng lại, tiếng tụng kinh gõ mõ của các ni cô chung quanh triền núi làm sao khỏi nao lòng khi nghĩ đến đồng đội, gia đình...

Ngồi kề bên nhau đón Xuân, chúng tôi kể cho nhau nghe chuyện quá khứ để động viên cho nhau. Chúng tôi đón Xuân với sự thèm khát đủ thứ nào bánh chưng, bánh tét, dưa hấu... nhưng làm gì có những thứ ấy nơi này, chúng tôi chỉ có tấm lòng của đồng đội để vượt qua cuộc thử thách này.

Đến tháng 3.1951, ni cô Năm liên lạc được với gia đình và hướng dẫn gia đình đến đón tôi về. Buổi trưa hôm ấy, tôi ngồi cùng anh em trao đổi, và cuối cùng tôi quyết định không đi, không thể bỏ anh em ở lại trong hoàn cảnh thiếu thốn khó khăn như thế này được, tôi nguyện cùng sống chết có nhau đồng cam cộng khổ. Anh em động viên tôi hãy về, rồi lần lượt các anh em khác sẽ về, phải về để liên lạc với tổ chức và nhận nhiệm vụ càng sớm càng tốt. Trước tấm lòng của anh em tôi đành thuận ý, anh em ôm nhau khóc.

Chia tay, chân bước đi từ hang đá xuống núi mà lòng luyến tiếc nhớ thương, nước mắt cứ tuôn trào. Ít lâu sau, tôi liên lạc với tổ chức và tiếp tục về căn cứ ở Bến Tre tiếp tục cuộc chiến đấu chống quân thù.

Cảm nghĩ. . .

Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp tuy có nhiều hy sinh mất mát, song, chúng tôi rất tự hào vì mình tự giải phóng cho mình để sớm trở về hàng ngũ tiếp tục hoạt động.



Từ trong đáy lòng mình, chúng tôi chân thành biết ơn đồng bào đã giúp đỡ chúng tôi trên các nẻo đường đi qua. Chúng tôi không bao giờ quên các ni sư, sư ông, ni cô Năm

và người cháu trai ở núi Thị Vải và chùa Long Văn Tự (Bà Chiêu); anh Hai Kiệt (Phú Định) và bà con khác đã che dấu, đưa đường dẫn lối, nuôi dưỡng chúng tôi những ngày nguy khốn. Tình cảm ấy đã khắc sâu trong lòng người thấm thoát trong mấy chục năm qua và càng nung nấu ý chí giúp chúng tôi thêm nghị lực để chiến đấu và chiến thắng.

*(Trích Hồi ký đồng chí Lê Văn Công, tên thật Nguyễn Tấn Lộc)*

## **NHÀ TÙ TÂN HIỆP SAU NGÀY NỔI DẬY PHÁ KHÁM 02.12.1956**

**Nguyễn Văn Sanh**

Đồng chí Nguyễn Văn Sanh (tức Tư Sanh, quê Long An) được Đảng ủy phân công ở lại (vì bị đau bao tử nặng) để đại diện công khai đấu tranh với địch. Bị bắt tù năm 1954. Sau sự kiện nổi dậy phá khám, đồng chí bị đày ra Côn Đảo đến năm 1961 được thả về và tiếp tục hoạt động cách mạng.

Trong quá trình hoạt động cách mạng, đồng chí được phân công làm Chủ nhiệm hậu cần Tỉnh đội Long An, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Long An.

*Ban biên soạn*

Lúc phá khám xảy ra, tên Hit - một trung sĩ bảo an khét tiếng ác ôn đánh đập anh em không nương tay – được chuyển từ khám Bà Hòa (Chợ Lớn) lên khám Tân Hiệp. Tôi biết nó từ lúc còn ở Chợ Lớn. Lúc xảy ra sự kiện phá trại, tôi cố ý không về trại mà quay lên nhà tên Hit và ở đó để tỏ ra mình không hay biết gì về việc phá khám vượt ngục. Lúc đó, nghe la ó, tên Hit hốt hoảng đang đi chân không, ở trần định chạy ra phía trước, tôi liền gọi giật nó lại và bảo vô mặc đồ. Tôi nói : “Sao không mặc quần phục tụi lính nó lắm, nó sẽ bắn mày”. Nghe tôi nói, nó chạy trở lại mặc đồ và vớ khẩu carbine. Tôi lại kêu : “Đừng mang súng”, nó chần chờ một hồi rồi mới cầm súng đi ra. Khi ra tới thì mọi việc đã xong xuôi, nó quay trở về và đưa tôi về khám gặp thiếu úy Tính, trưởng trại. Nó hỏi tôi : “Không chạy sao?”. Tôi bảo : “Có hay biết gì đâu, nếu hay chắc cũng chạy thôi vì ở tù cực quá”. Nó cười và bảo tôi : “Thôi đi nghỉ đi, sáng mình sẽ nói chuyện”.

Sáng ngày hôm sau (03.12.1956) bọn địch dồn số còn lại vào các trại D, E, G đóng cửa không cho ra ngoài, không được tắm rửa, ăn cơm không dưa chén và ăn ngay trong trại. Và không thấy chúng tra tấn hoặc điều tra anh em ra sao, chỉ thấy

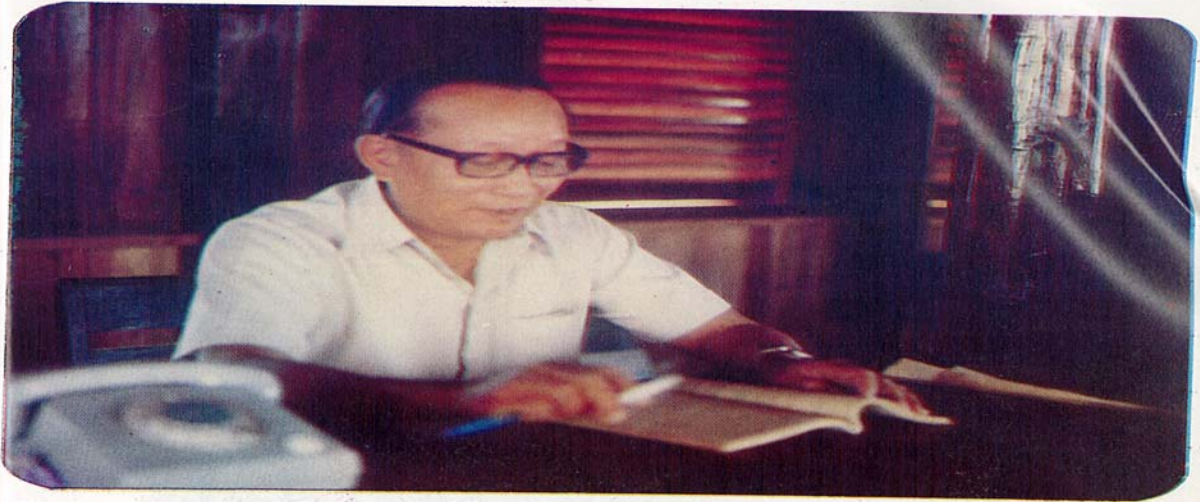
chúng tôi hai anh em vượt ra bị bắt lại đánh đập trước mặt một số anh em vừa được giải đến để dẫn mặt.

Lối mười giờ ngày hôm sau, bọn lính mở cửa trại D, gọi tôi lên gặp tên Tính và Tường (Chánh, phó Giám đốc trại giam). Tên Tường nói với tôi : “Tưởng anh chạy rồi chứ ! Tôi mời anh ra đây không phải để điều tra anh mà nhờ anh giúp tôi làm bản báo cáo vụ phá khám này”. Nó hỏi tôi: “Anh có biết tổ chức này lâu mau rồi không ?” Tôi bảo : “Không biết, nếu biết tôi đã chạy rồi”. Nó hỏi: “Có phải tên Chuộng điều khiển không ?” Tôi đáp : “Làm sao biết được”. Nó chửi bọn công an ăn hại, không khám phá được gì. Theo nó thì có thể một ít tên tù nhân cộng sản tổ chức thôi.

Quá mười hai giờ trưa, tôi tìm cách rút lui nên bảo là “Trưa rồi cho tôi đi nấu cơm cho anh em ăn”. Nó bảo tôi điều khiển số anh em học tổ cộng rồi ra nấu. Nó gọi thằng Trung (Đại Việt) ở trại A ra hăm dọa anh em bảo phải làm theo sự chỉ vẽ của tôi. Đến giờ cơm, tôi đem cơm vào khám, tên Hít mở cửa nhưng không cho đem đĩa chén vào. Tôi tranh thủ nó: “Anh em ăn không có chén đĩa làm sao ăn được mà ác quá ! Thôi cứ cho đưa chén đĩa vô và giữ lấy còn ăn mất chịu”. Một lát sau nó mới đồng ý. Lợi dụng tên Hít nể tôi cho nên lúc đem cơm vô, tôi tranh thủ khuyên anh em cố gắng giữ vững lập trường và không nên manh động lúc này vì tinh thần chưa ổn định, hơn nữa chưa có lãnh đạo.

Một thời gian sau, bọn địch chuyển chuyên Ban Giám đốc cũ đi nơi khác, đưa tên đại úy Trần Cửu Thiên (tự xưng là con cọp xám Bến Cát) về làm Giám đốc và tên Mã Thành Tâm, cảnh sát đặc biệt miền Đông làm Phó Giám đốc. Hai tên này thuộc loại ác ôn có tiếng.

Qua ngày sau, tên Thiên vào trại “tổ cộng” hăm he với tôi và nói là có cách đối phó với tôi. Lối chín giờ, nó gọi tôi từ nhà bếp lên văn phòng để nói chuyện. Nó tranh luận về việc đi, ở “tập kết” của Việt cộng. Tôi phản bác lại luận



**Đồng chí NGUYỄN TRỌNG TÂM**  
(tức Nguyễn Duy Đán , hoặc Bảy Tâm)

Bí thư Đảng ủy nhà tù Tân Hiệp (Biên Hòa), người lãnh đạo cuộc nổi dậy phá khám ngày 02-12-1956, giành thắng lợi.

Sinh ngày 23-3-1927 tại xã Tú Mỹ huyện Ý Yên , tỉnh Hà Nam Ninh .

- Tham gia cách mạng Tháng Tám 1945
- Quân hàm : Trung tá QĐND Việt Nam
- Cấp bộ Đảng : Ủy viên Ban thường vụ tỉnh ủy Thủ Dầu Một(1964-1967)
- Cấp chính quyền : Ủy viên Ban Kinh Tài, Phụ trách thương nghiệp Đông Nam Bộ.Sau giải phóng 30-4-1975, là Trưởng Ty Thương nghiệp tỉnh Đồng Nai.





Đồng chí NGUYỄN VĂN CHUỘNG (tức Sáu Chuộng)  
Tổng đại diện kiêm tổng trật tự tại nhà tù Tân Hiệp .  
Trưởng đoàn vượt ngục Tân Hiệp  
ngày 02-12-1956.





- Kỹ sư :Lê Văn Thả , Đảng viên thuộc chi bộ trại G.
- Trước ngày bị địch bắt ,là chủ tịch phong trào cứu tế nạn nhân Sài Gòn - Chợ Lớn.
  - Sau khi ra tù là Thứ Trưởng Bộ Tư Pháp ,Chánh phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.







Chị : Nguyễn Thị Liên (ức Lý) một trong hai nữ tù nhân  
trong cuộc vượt trại giam Tân Hiệp ngày 02 - 12 - 1956.  
- Nguyên trưởng đoàn ca nhạc nhẹ Tháng Tám Thành  
phố.Hồ Chí Minh



Chị Vũ Thị Thọ (người đang đứng) một trong hai nữ tù nhân vượt khám Tân Hiệp ngày 02-12-1956 .

Chị Thanh Huyền ngồi đeo kính và đồng chí Nguyễn Tiến Tánh (áo trắng ngồi góc phải ) do sức yếu không cỪng ra được trong cuộc vượt ngục này.





Đồng chí Hồ Thảo đảng viên chi bộ trại G người được phân công cất  
đây điện thoại phòng giám đốc trại giam, trong cuộc phá khám ngày  
02 - 12 - 1956

- Nguyên Đại tá - Học viện lục Quân Đà Lạt.

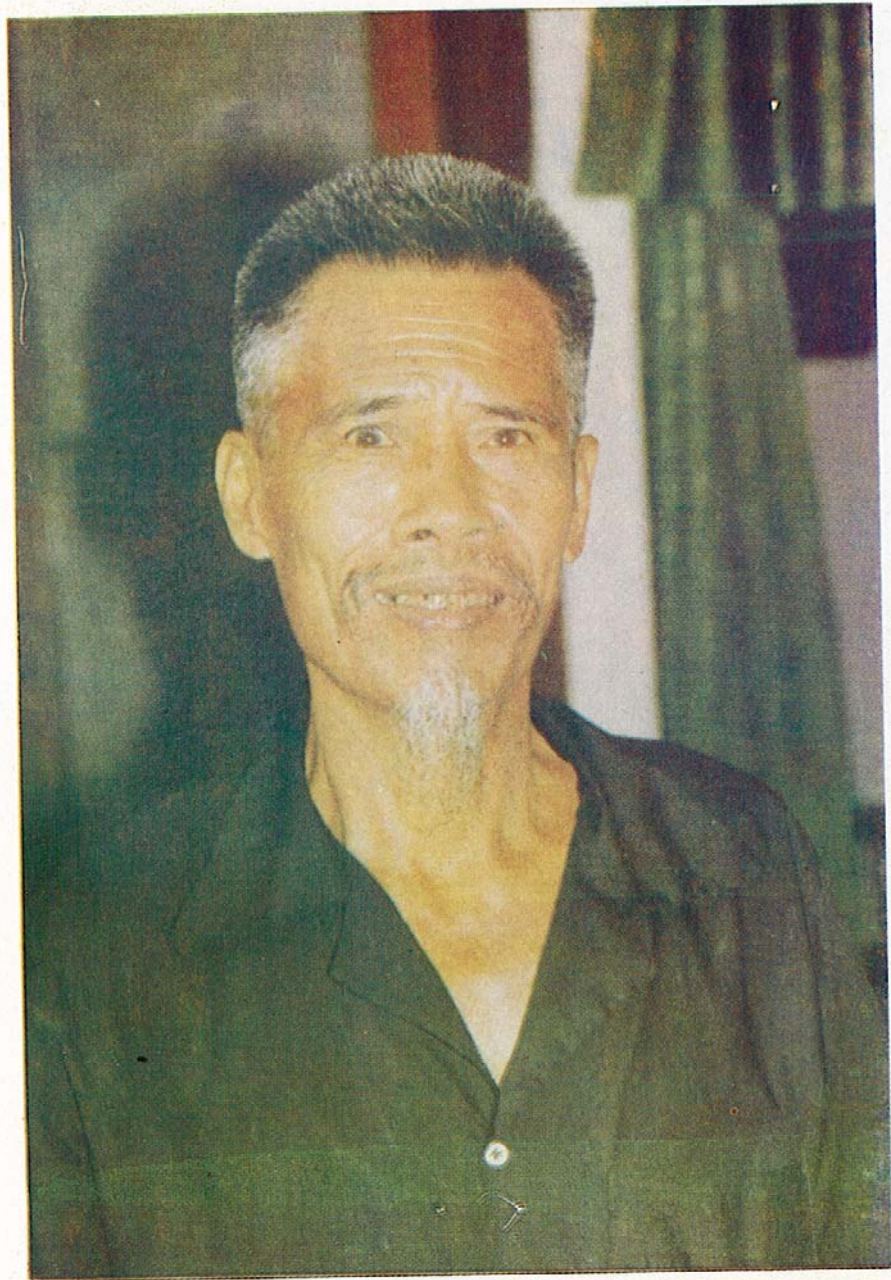




Đồng chí Tạ Quang Huy, chỉ huy một mũi xung kích trong cuộc phá khám ngày 02 -12 -1956.

- Nguyên Chủ tịch UBND huyện Củ Chi - TP.Hồ Chí Minh





Đồng chí Phạm Văn Còn (tức Hai Còn), Chỉ huy Đội xung kích trại E trong sự kiện ngày 02 - 12 - 1956.

- Nguyên Tiểu Đoàn phó Tiểu đoàn "Trần Hưng Đạo" thuộc giáo phái Hòa Hảo - Khu vực Vĩnh Long (lực lượng của Cách mạng).







Đồng chí Lê Hoàng Quân Bí thư Thành ủy Biên Hòa tiếp và nói chuyện với đồng chí Nguyễn Văn Chuông, trưởng đoàn vượt kham Tân Hiệp ngày 02-12-1956.



Giác nhân chứng lịch sử trong cuộc nổi dậy pha khảm Tân Hiệp (02-12-1956) về  
hợp mật tại thành ủy Biên Hòa ngày 02-12-1956.



Quang cảnh trại D trong nhà tù Tân Hiệp.



Lô cốt số 7 .nằm cạnh rạch Dông Tràm nói dịch vùng trung liên bản vào đoàn người  
vượt ngục ngày 02-12-1956 .làm cho 22 đồng chí ta hy sinh và nhiều người khác bị  
thương.



Quang cảnh trại E trong nhà tù Tân Hiệp.



Đồn cảnh và kho vũ khí của địch gần cổng vào trại giam

điệu của nó gay gắt. Nó tức giận nên đuổi tôi xuống bếp, nó nói chừng nào đồng ý nó nói là phải thì mời lên nói chuyện chơi. Tên Giám thị trưởng xuống xếp bảo tôi là đừng cãi nó, nó đã sắp xếp việc tra tấn tôi rồi do tên Mã Thành Tâm chịu trách nhiệm, nó muốn dẫn mặt tôi trước một số anh em trong khám.

Ý định tra tấn tôi chưa thực hiện được thì ngày hôm sau, có xe công an ở Sài Gòn về đưa một số tù lên bót Hàng Keo để sau đó đày đi Côn Đảo, trong đó có tên tôi. Nhưng tên Thiên, giám đốc không chịu giao tôi cho bọn áp giải. Hai bên giằng co đến chiều, bọn áp giải phải xuống tận trại để cùng tôi và áp giải ra xe.

Sau đó đưa chúng tôi xuống tàu và chúng nói là đưa đi an trí ở Phú Quốc, nhưng khi xuống tàu thấy đồ đạc, thức ăn đều ghi địa chỉ : “Côn Sơn”.

Từ đây, chúng tôi bắt đầu cuộc đời tù nhân tại Côn Đảo.

## CHÚNG TÔI ĐẤU TRANH TRONG TÙ

**Nguyễn Văn Thông**

Đồng chí Nguyễn Văn Thông (tên trong tù: Nguyễn Văn Lữ), sinh năm 1934, Xã đội trưởng, Bí thư chi bộ xã Phú Hữu, huyện Long Thành, bị địch bắt ngày 11.10.1955. Trong sự kiện nổi dậy phá khám, đồng chí được phân công làm đội trưởng chỉ huy bốn tổ xung kích. Trong quá trình công tác, đồng chí giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa, Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy Đồng Nai. Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Tỉnh Đồng Nai.

*Ban biên soạn*

...Ngày 09.01.1956, địch chuyển tôi cùng các đồng chí Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Văn Chinh về nhà lao Gia định. Và ngày 17.01.1956, chúng chuyển tiếp chúng tôi về trại giam Tân Hiệp mà địch gọi là “Trung tâm Huấn chính Biên Hòa”.

Ngày 01.02.1956, chúng tôi móc nối và sinh hoạt Đảng tại tổ Đảng trại E, trong đó tôi làm tổ trưởng và các tổ viên Nguyễn Tri Phương (Phú Hữu - Long Thành), Nguyễn Xuân Khoát (Bình Lộc - Long Khánh) và sau đó liên lạc với Chi ủy Đảng nhà tù, cụ thể là với đồng chí Nguyễn Duy Đán. Trung tuần tháng 02.1956, đồng chí Đán giao tôi liên lạc với Thường vụ huyện ủy Long Thành để nắm tình hình và xin ý kiến chỉ đạo khi cần thiết.

Qua con đường thăm nuôi, mẹ và vợ tôi đã đem thư từ của tôi cho đồng chí Trần Tấn Lộc - Huyện ủy viên Long Thành và đưa thư đồng chí Lộc trở lại cho tôi. Tổ đảng chúng tôi thường xuyên động viên, giáo dục khí tiết của người cách mạng, gương mẫu trong chống học “tổ cung”, tham gia vào các cuộc đấu tranh đòi cải thiện đời sống... đồng thời phát hiện sơ hở của địch để tự giải thoát. Tôi quan tâm việc quan hệ với một số đồng chí tốt ở trại E và trại khác như: Phạm Văn Rô, Nguyễn Văn Thúc, Nguyễn Văn Tân, Nguyễn Thăng, Nguyễn Văn Luyện, Đặng Văn Phê, Lê Văn Chuột, Nguyễn Ngọc Yên, đồng chí Sỏi...



Đầu tháng 03.1956, anh em trại E cử tôi làm tổ trưởng rửa chén cho nhà bếp. Tôi cùng hơn mười anh em trại E đi làm phận sự rửa chén. Trong quá trình làm công việc này, tôi tranh thủ gặp gỡ và động viên anh chị em đồng cảnh ngộ và giáo dục một số chị em, vợ binh lính địch, đồng thời chú ý theo dõi quy luật hoạt động của địch để chuẩn bị cho ý đồ vượt ngục.

Hoạt động của chúng tôi tại nhà tù rất tích cực, nhất là tham gia vào các cuộc đấu tranh do Đảng ủy nhà tù chủ trương và lãnh đạo.

Trong các ngày lễ 01.05 và 19.05, chúng tôi tham gia đấu tranh đòi “nhà cầm quyền” cải thiện đời sống, chống cho ăn khô và gạo bị mục... đồng thời yêu cầu nhà cầm quyền phải xem xét và thả những người tù không có tội. Các trại đều cử đại diện trực tiếp kiến nghị với ban giám đốc. Địch hù dọa đàn áp và không giải quyết yêu sách, chúng chỉ hứa cải thiện đời sống.

Trong ngày 20.07.1956, địch bắt anh em đi học “tổ cộng”. Đảng ủy nhà tù chủ trương kiên quyết đấu tranh chống học “tổ cộng”. Tất cả các trại, trong đó có trại E chúng tôi đều không ghi tên đi học. Anh em chấp nhận đi lưu đày Phú Quốc, Côn Đảo. Tên Tống Đình Bắc, chỉ huy lực lượng cảnh sát miền Đông, không những không giải quyết yêu sách mà còn lừa bịp : “Con đường trở về gia đình của các người là con đường cải tạo, học tập “tô cộng”.

Đảng ủy kiên quyết đấu tranh và chủ trương tuyệt thực ba ngày, từ ngày 21 đến ngày 23.07.1956. Bọn địch điều thêm lực lượng đến phối hợp với lực lượng tại chỗ đàn áp anh chị em tù trong các ngày tuyệt thực. Địch dùng mọi cách đánh đập, tra tấn và bắt đi một số người nhưng vẫn có trên ba trăm người không đi học “tô cộng”, trong đó có tôi và các anh em trong tổ Đảng.

Trong các ngày kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám (19.08) và Quốc khánh (02.09), Đảng ủy nhà tù chủ trương phát động anh chị em đấu tranh chống học “tô cộng” đợt hai. Lần này địch buộc: “Tất cả tù không ghi tên đợt một, phải ghi tên học đợt hai”. Tổ Đảng chúng tôi lần này không đưa yêu sách mà cũng không ghi tên học “tô cộng” và cùng nhau vận động anh em ở trại khác cũng làm như vậy.

Lần này địch phản ứng mạnh. Chúng điều động cả đại đội lính với đầy đủ vũ khí, lừa anh em vào trại và nhốt trong ba ngày, chúng bắt nhịn đói nhịn khát, đánh đập và đưa đi một số người.

Do tính phức tạp của thành phần tù nhân, nên có một số người ghi tên đi học “tô cộng” vì sợ đi lưu đày Phú Quốc, nhưng chủ yếu là những người thuộc các đảng phái khác như : Đại Việt, Dân chủ và các giáo phái đối lập dưới chế độ Diệm.

Trại E chúng tôi có hơn một trăm anh em không đi học “tô cộng”. Qua cuộc đấu tranh, “tổ rửa chén” tăng số người lên gần hai mươi người, chúng tôi đã tuyên truyền giáo dục và hạ quyết tâm tìm sơ hở và chờ thời cơ để vượt ngục...

*(Trích Hồi ký của đồng chí Nguyễn Văn Thông)*

**DANH SÁCH 22 NGƯỜI THAM GIA NỔI DẬY PHÁ KHÁM TÂN HIỆP  
HY SINH**

(Trong ngày 2.12.1956)

<b>SỐ T T</b>	<b>HỌ VÀ TÊN</b>	<b>NĂM SINH</b>	<b>NOI SINH</b>	<b>TÊN CHA MẸ</b>	<b>CƯ NGỰ</b>
01	NGUYỄN VĂN CHAN tự HUE <sup>8</sup>	1929	Thị Nghè	Huê (Nguyễn thị)	44e Nguyễn Văn Lại – Thị Nghè
02	NGÔ XI TIEN	1920	Trà Vinh	Nhi và Trần Thị Gong	Hiệp Hòa – Trà Vinh (Cầu Ngang)
03	NGUYEN VAN TO	1925	Trà Vinh	Thiên và Trần Thị Trà	Mỹ Hòa – Trà Vinh
04	VÕ DINH tự PHAN	1922	Quảng Ngãi	Út và Nguyễn Thị Thi	Phổ Cường – Quảng Ngãi
05	PHAN VĂN RÔ	1930	Biên Hòa	Ty và Lê thị Chúc	Tam An – Biên Hòa
06	NGUYỄN HỮU NAM tự SAN	1909	Sài Gòn	Thi và Lương Thị Nhoang	Sài Gòn
07	NGUYỄN VĂN MINH tự LÙN	1930	Sơn Tây	Con và Nguyễn thị Hiếu	15 Thuận Kiều – Chợ Lớn
08	NGUYỄN ĐỨC TÂM	1937	Chợ Lớn	Hồi và Nguyễn thị Lành	Cần Đước – Chợ Lớn
09	NGUYỄN VĂN HO tự LÊ BÁ SƠN	1924	Biên Hòa	Thích và Nguyễn thị Còn	Bàu Cá – Biên Hòa
10	NGUYỄN TÂN SĨ tự DƯƠNG TỬ GIANG	1915	Bến Tre	Ký và Vàng thị Tĩnh	337/4 Võ Thánh – Sài Gòn
11	PHẠM NGỌC QUYÊN	1938	Gia Định	Vô danh và Nguyễn thị Lan	Hàng Phán, bến Vân Đồn – Sài Gòn
12	TRƯƠNG VĂN PHAI	1932	Trà Vinh	Khuê và Nguyễn thị Ty	Ngũ Lại – Trà Vinh
13	NGUYỄN VĂN HAI tự MUỖI	1930	Bình Thuận	Đàm và Nguyễn thị Nên	Bình Trước – Biên Hòa
14	LÊ VĂN DONG tự ĐÔNG	1911	Biên Hòa	Sách và Phạm thị Ngô	Phước Lai – Biên Hòa
15	PHẠM VĂN CHAN	1929	Biên Hòa	Thông và Nguyễn thị Tam	Phước Lộc – Biên Hòa
16	NGUYỄN VĂN THOI	1938	Biên Hòa	Tùng và Cao thị Din	Thanh Hội – Biên Hòa
17	VÕ PHI CƠ	1937	Bến Tre	Long và Phạm thị Mao	Hẻm Lò Heo – Gia Định
18	NGUYỄN VĂN ĐANG	1929	Chợ	Hoan và Huỳnh Thị	Mỹ Hạnh - Chợ Lớn

<sup>8</sup> Có một tên người trong hồ sơ lưu trữ không ghi dấu  
TP.HCM

Hồ sơ 3983 phòng SC, Trung tâm lưu trữ Quốc Gia II.

			Lớn	Thời	
19	NGUYỄN VĂN CHÁNH	1924	Bà Rịa	Ngô và Võ Thị Tranh	Long Tân – Bà Rịa
20	TRẦN VĂN TẤN tự CHÍN	1931	Kiên An	Phu và Trần thị Khôi	20 Huỳnh Tịnh Của, Sài Gòn
21	NGUYỄN VĂN TRUNG tự NGUYỄN HỒNG QUỐC	1916	Sa Đéc	Ba và Nguyễn thị Huệ	Tân Khánh – Sa Đéc
22	TRẦN VĂN NHANH tự CAI NHÀNH	1929	Trà Vinh	Huôn và Lê Thị Tài	Long Thới – Trà Vinh

**DANH SÁCH CÁN BỘ CHIẾN SĨ VÀ NHỮNG NGƯỜI YÊU NƯỚC BỊ  
GIAM GIỮ Ở NHÀ TÙ TÂN HIỆP NỔI DẬY PHÁ KHÁM TRỞ VỀ VỚI  
CÁCH MẠNG NGÀY 02.12.1956**

**A. DO TY CÔNG AN CÁC TỈNH GỞI ĐẾN  
GIA ĐÌNH**

1. NGUYỄN THÀNH BÁU, sinh năm 1929 tại Gia Định, con của Hoàn và Ngô Thị Bướm; cư ngụ tại Tăng Nhơn Phú (Gia Định).
2. TRẦN VĂN THU, sinh năm 1936 tại Gia Định, con của Thôi và Nguyễn Thị Bảy, ngụ tại Bình An (Gia Định).
3. TRẦN VĂN DA, tự MỘT DA, tự LÊ VĂN PHÚC, sinh năm 1917 tại Gia Định, con của Nguyệt và Nguyễn Thị Kiển, ngụ tại Tăng Nhơn Phú (Gia Định).
4. ĐẶNG VĂN HAO tự THAO tự HAI, sinh năm 1920 tại Gia Định, con của Thân và Nguyễn Thị Thưa, ngụ tại Tăng Nhơn Phú (Gia Định).
5. PHẠM VĂN KINH, sinh năm 1934 tại Gia Định, con của Thê và Nguyễn Thị Dung, ngụ tại An Bình xã (Gia Định).
6. LÊ VĂN HAI, tự MAI DŨNG HO, sinh năm 1929 tại Sài Gòn, con của Danh và Ngô Thị Bảy, ngụ tại số 319- B, Trịnh Minh Thế (Sài Gòn).
7. CAO VĂN CHÍN tự LÊ VĂN SÓT, sinh năm 1929 tại Gia Định, con của Quyền và Nguyễn Thị Ba, ngụ tại Linh Xuân Thông (Gia Định).
8. NGUYỄN VĂN TƯ tự CHỎ, sinh năm 1938 tại Gia Định, con của Sáng và Nguyễn Thị Vị, ngụ tại An Bình xã (Gia Định).
9. LÊ VĂN THÂN tự MAI THÀNH CÔNG, sinh năm 1919 tại Gia Định, con của Viêt và Hồ Thị Kim, ngụ tại Linh Đông xã (Gia Định).
10. MAI VĂN THANH tự SÁU DÒ sinh năm 1911 tại Gia Định, con của THÂN và Trần Thị Hòe, ngụ tại Hiệp Bình xã (Gia Định).
11. NGUYỄN VĂN THÀNH tự HUỲNH VĂN NGÓNG tự NHO, sinh năm 1921 tại Gia Định, con của CHANH và Trần Thị Hương, ngụ tại Thủ Đức (Gia Định).
12. NGUYỄN VĂN NAM tự NĂM, sinh năm 1929 tại Gia Định, con của Lung và Lê Thị Bình, ngụ tại Long Bình (Gia Định).
13. NGUYỄN VĂN LANG tự MUỖI, sinh năm 1935 tại Gia Định, con của Viêt và Nguyễn Thị Đẹp, ngụ tại Tam Bình xã (Gia Định).
14. VÕ VĂN NAM tự NGUYỄN VĂN ÚT, sinh năm 1928 tại Thủ Dầu Một, con của Chôi và Bùi Thị Kính, ngụ tại Phú An Thông (Thủ Dầu Một).

15. ĐẶNG VĂN HIỀN tự TRẦN VĂN HUỖNH, sinh năm 1928 tại Biên Hòa, con của Đông và Đoàn Thị Kinh, ngụ tại Tân Hạnh (Biên Hòa).
16. HỒ VĂN ĐĂNG tự VUI, sinh năm 1923 tại Gia Định, con của Tư và Nguyễn Thị Dành, ngụ tại Dĩ An (Gia Định)
17. TRẦN VĂN LIỆU tự HOÀNH, sinh năm 1923, tại Gia Định, con của Dốc và Nguyễn Thị Bảy, ngụ tại Phước Long (Gia Định).
18. NGUYỄN VĂN NGON tự PHA, sinh năm 1931 tại Gia Định, con của Cang và Phạm Thị Nguyên, ngụ tại Thủ Đức (Gia Định).
19. HUỖNH VĂN HAI tự HUỖNH TẤN TRUNG, sinh năm 1922 tại Gia Định, con của Ngọc và Nguyễn Thị Mau, ngụ tại An Chánh (Gia Định).
20. NGUYỄN VĂN CHƠN, sinh năm 1921 tại Gia Định, con của Hiền và Phạm Thị Nguyên, ngụ tại Thủ Đức (Gia Định).
21. NGUYỄN VĂN NHÂM tự NGUYỄN TẤN PHÁT, sinh năm 1928 tại Gia Định, con của Linh và Nguyễn Thị Còn, ngụ tại Phước Long (Gia Định)
22. NGUYỄN VĂN GÁT, sinh năm 1933 tại Gia Định, con của Tâm và Huỳnh Thị Thanh, ngụ tại Gò Vấp (Gia Định)
23. LÂM CHIÊM BIÊN tự LÊ VĂN HIỀN tự VĂN MINH, sinh năm 1918 tại Gia Định, con của Ngô và Lê Thị Lương, ngụ tại Long Trường (Thủ Đức).
24. PHẠM VĂN SANG, tự SÁNG, sinh năm 1921 tại Gia Định, con của Toi và Hà Thị Chín, ngụ tại Long Bình (Gia Định)
25. DƯƠNG VĂN QUÝCH tự ĐỨC, sinh năm 1927 tại Gia Định, con của Áa và Nguyễn Thị Thanh, ngụ tại Bình Trung (Gia Định).
26. LÊ QUANG TRINH, sinh năm 1929 tại Trà Vinh, con của Mai và Nguyễn Thị Chín, ngụ tại số 16 - A, Phan Đình Phùng (Sài Gòn).
27. NGUYỄN TẤN CANG tự DINH, sinh năm 1936 tại Tây Ninh, con của Qui Và Phạm Thị Mậu, ngụ tại trường Phan Đình Phùng (Sài Gòn).
28. LÂM THANH VÂN tự PAUL, sinh năm 1928 tại Bạc Liêu con của Tịch và Lê Thị Xuyên, ngụ tại Bến Vân Đồn (Sài Gòn).
29. ĐẶNG VĂN DƯƠNG tự GIƯỜNG, sinh năm 1906 tại Gia Định, con của Sanh và Võ Thị Chanh, ngụ tại Thạnh Mỹ Lợi (Gia Định).
30. PHẠM VĂN ĐƯỢC tự HẰNG tự NAM tự ÚT, sinh năm 1925 tại Gia Định, con của Mười và Võ Thị Đẹp, ngụ tại Linh Xuân Thôn (Gia Định).
31. NGUYỄN VĂN BÁO tự LIÊN, sinh năm 1914 tại Tây Ninh, con của Tạo và Trần Thị Sậu, ngụ tại Lộc Giang (Chợ Lớn).
32. TRẦN VĂN LÀNH tự LOM, sinh năm 1916 tại Tây Ninh, con của Sơn và Huỳnh Thị Hạnh, ngụ tại Lộc Giang (Chợ lớn).
33. LÊ VĂN MƯỜI tự PHẠM VĂN LA, sinh năm 1930 tại Gia Định, con của Chín và Trần Thị Nam, ngụ tại Hiệp Bình xã (Gia Định).
34. VÕ VĂN THÔNG tự TRƯỜNG, sinh năm 1930 tại Biên Hòa, con của Tắc và Lê Thị Thuyên, ngụ tại Tân Văn (Biên Hòa).

## **CHÂU ĐỐC**

35. NGUYỄN VĂN CÁT, sinh năm 1924 tại Châu Đốc, con của Huân và Nguyễn Thị Nhung, ngụ tại Thới Sơn (Châu Đốc).
36. NGUYỄN VĂN KÝ tự LÊ VĂN HAI, sinh năm 1912 tại Châu Đốc, con của Nam và Trần Thị Hoa, ngụ tại Văn Giao (Châu Đốc).

## **RẠCH GIÁ**

37. HUỖNH TẤN PHÁT tự HUỖNH ĐẠI ĐỘ, sinh năm 1909 tại Rạch Giá, con của Minh và Bùi Thị Có, ngụ tại Phi Thông (Rạch Giá).
38. TRẦN VĂN NHÂN tự KIÊN, sinh năm 1923 tại Rạch Giá con của Thanh và Nguyễn Thị Hội, ngụ tại Vĩnh Thanh Vân (Rạch Giá).

## **TRÀ VINH**

39. TRẦN VĂN CÚNG, sinh năm 1926 tại Trà Vinh, con của Giác và Lai Thị Ngô, ngụ tại Long Sơn (Trà Vinh).
40. LÊ VĂN THÊM, sinh năm 1937 tại Trà Vinh, con của Quế và Đào Thị Cửa, ngụ tại Long Hữu (Trà Vinh).
41. VÕ VĂN LAI, sinh năm 1917 tại Trà Vinh, con của Ngõi và Nguyễn Thị Hoài, ngụ tại Ngãi Đường (Trà Vinh).
42. LÊ VĂN DÂN, sinh năm 1914 tại Trà Vinh, con của Đậu và Trương Thị Mẫn, ngụ tại Long Hữu (Trà Vinh).
43. NGUYỄN HUỖNH LỰC tự DÈO, sinh năm 1920 tại Trà Vinh, con của Báo và Nguyễn Thị Giáp, ngụ tại Đại Phước (Trà Vinh).
44. NGUYỄN VĂN NHÂN tự XINH, sinh năm 1924 tại Trà Vinh, con của Thành và Phan Thị Trường, ngụ tại Đức Mỹ (Trà Vinh).
45. HỒ VĂN BA, sinh năm 1916 tại Trà Vinh, con của Phước và Đào Thị Tân, ngụ tại Trà Vinh.
46. PHẠM VĂN TÂM, sinh năm 1935 tại Trà Vinh, con của Hồ và Đặng Thị Mỹ, ngụ tại Bình Sơ (Cần Thơ).
47. NGUYỄN VĂN TU, sinh năm 1915 tại Quảng Nam (T.P) con của Chiếu và Trần Thị Tang, ngụ tại Trương Long Hoa (Trà Vinh).
48. HỒ VĂN CHƠN, sinh năm 1927 tại Trà Vinh, con của Nhuận và Nguyễn Thị Bảy, ngụ tại Tiểu Cần (Trà Vinh).
49. TRẦN VĂN ĐỘ tự BÙI CHÂU ĐỘ, sinh năm 1924 tại Trà Vinh, con của Chiếu và Nguyễn Thị Thời, ngụ tại Trương Long Hòa (Trà Vinh).
50. NGUYỄN VĂN ĐƯỢC, sinh năm 1927 tại Trà Vinh, con của Giậu và Lương Thị Vinh, ngụ tại Trà Cú (Trà Vinh).
51. PHẠM VĂN NGẠN tự ƯỚI, sinh năm 1921 tại Trà Vinh, con của Trung và Đào Thị Huệ, ngụ tại Lam Toan (Trà Vinh).

52. NGUYỄN VĂN SỎI tự SOI, sinh năm 1926 tại Trà Vinh, con của Luông và Trần Thị Ba, ngụ tại Long Thời (Trà Vinh).
53. HỨA MINH HÓA, sinh năm 1929 tại Trà Vinh, con của UÔI và Trần Thị Nên, ngụ tại An Quân Hữu (Trà Vinh).
54. NGUYỄN VĂN THÂN tự BỬU, sinh năm 1923 tại Trà Vinh, con của Quân và Nguyễn Thị Hồng, ngụ tại Long Hữu (Trà Vinh).
55. NGUYỄN VĂN ĐỨC tự MINH, sinh năm 1922 tại Trà Vinh, con của Hai và Huỳnh Thị Kha, ngụ tại Hiệp Thạnh (Trà Vinh).
56. TRẦN VĂN BẦY tự TÂN, sinh năm 1934 tại Trà Vinh, con của Cai và Trần Thị Mùi, ngụ tại Hàm Giang (Trà Vinh).
57. NGUYỄN VĂN ỎI tự BẦY TIỀN, sinh năm 1935 tại Trà Vinh, con của Hai và Trần Thị Ty, ngụ tại Hàm Giang (Trà Vinh).
58. TRẦN VĂN THOẠI tự NGUYỄN VĂN LƯƠNG, sinh năm 1910 tại Trà Vinh, con của Vân và Nguyễn Thị Bích, ngụ tại Đại Phước (Trà Vinh).
59. NGUYỄN VĂN HAI, sinh năm 1934 tại Trà Vinh, con của Ngân và Đỗ Thị Nghinh, ngụ tại Hiệp Mỹ (Trà Vinh).
60. NGUYỄN VĂN NHÂN tự NGÔ VĂN TỐT, sinh năm 1919, tại Trà Vinh, con của Diên và Phạm Thị Mão, ngụ tại Hiệp Mỹ (Trà Vinh).
61. TRẦN VĂN SANH, sinh năm 1935 tại Trà Vinh, con của Tam và Nguyễn Thị Hai, ngụ tại Đại Phước (Trà Vinh).
62. PHẠM VĂN HAI, sinh năm 1931 tại Trà Vinh, con của Tư và Huỳnh Thị Cúc, ngụ tại Long Phụng (Trà Vinh).
63. NGUYỄN VĂN BẦY, sinh năm 1930 tại Trà Vinh, con của Thiên và Trần Thị Sanh, ngụ tại Nhị Long (Trà Vinh).
64. NGUYỄN VĂN TÁNH, sinh năm 1929 tại Trà Vinh, con của HỒ và Phạm Thị Tâm, ngụ tại Long Thời (Trà Vinh).
65. TRẦN QUỐC TUẤN tự MAI, sinh năm 1930 tại Trà Vinh, con của Giọc và Lại Thị Ngừ, ngụ tại Long Sơn (Trà Vinh).
66. ĐẶNG VĂN ĐẮC, sinh năm 1914 tại Trà Vinh, con của Danh và Lý Thị Quang, ngụ tại Long Thời (Trà Vinh).
67. TRẦN VĂN CỐ, sinh năm 1930 tại Trà Vinh, con của Cang và Bùi Thị Trượng, ngụ tại Hiệp Mỹ (Trà Vinh).
68. NGUYỄN VĂN TÔNG, sinh năm 1920 tại Trà Vinh, con của Hai và Lê Thị Đăng, ngụ tại Huyện Hội (Trà Vinh).
69. NGUYỄN VĂN MẠNH tự ĐIỀU, sinh năm 1909 tại Trà Vinh, con của Út và Lê Thị Kim, ngụ tại Đại Phước (Trà Vinh).
70. NGUYỄN VĂN NAM, sinh năm 1919 tại Trà Vinh, con của Tư và Trần Thị Nguyệt, ngụ tại Nhứt Mỹ (Trà Vinh).
71. LƯƠNG VĂN NINH tự KHÔNG, sinh năm 1926 tại Phước Hưng, con của Mục và Nguyễn Thị Huệ, ngụ tại Phước Trung (Trà Vinh).
72. LÊ VĂN KHỎE, sinh năm 1934 tại Trà Vinh, con của Ba và Nguyễn Thị Trành, ngụ tại Mỹ Hòa (Trà Vinh).
73. NGUYỄN VĂN ANH tự CỬA, sinh năm 1927 tại Trà Vinh, con của Cung và

Hồ Thị Nam, ngụ tại Mỹ Long (Trà Vinh).

74. TRẦN VĂN SƠN, sinh năm 1937 tại Trà Vinh, con của Tư và Nguyễn Thị Trinh, ngụ tại Bàu Cát (Trà Vinh).

75. NGUYỄN VĂN BA tự DIỄN, sinh năm 1929 tại Trà Vinh, con của Chơn và Trần Thị Tươi, ngụ tại Mỹ Hòa (Trà Vinh).

76. TRẦN VĂN CHUÔNG, sinh năm 1926 tại Trà Vinh. con của Diệp và Hà Thị Lịch, ngụ tại Mỹ Hòa (Trà Vinh).

77. NGUYỄN ĐẮC ĐẶNG tự NGUYỄN VĂN DUNG, sinh năm 1913 tại Trà Vinh, con của Trò và Nguyễn Thị Tông, ngụ tại Mỹ Hòa (Trà Vinh).

78. VÕ VĂN HAI, sinh năm 1926 tại Trà Vinh, con của Lâu và Trần Thị Ngõi, ngụ tại Đức Mỹ (Trà Vinh).

79. NGUYỄN VĂN LỆ, sinh năm 1928 tại Trà Vinh, con của Mao và Thị Thanh, ngụ tại ấp Ô Rừng (Trà Vinh).

80. TRẦN VĂN MAI, sinh năm 1936 tại Trà Vinh, con của Hoàn và Nguyễn Thị Tào, ngụ tại Long Vinh (Trà Vinh).

81. NGUYỄN VĂN NGỒI, sinh năm 1928 tại Phước Hưng, con của Chân và Ngô Thị Phước, ngụ tại Ngãi Xuyên (Trà Vinh).

82. NGUYỄN VĂN PHONG tự LIÊN, sinh năm 1928 tại Trà Vinh, con của Công và Nguyễn Thị An, ngụ tại Tiểu Cần (Trà Vinh).

83. PHAN VĂN SƠN, sinh năm 1935 tại Trà Vinh, con của Khỏe và Thị Tân, ngụ tại ấp Ô Rừng (Trà Vinh).

84. TRẦN VĂN TỬ, sinh năm 1938 tại Trà Vinh, con của Châu và Lâm Thị Sung, ngụ tại Tập Ngãi (Trà Vinh).

85. HÀ VĂN TRUNG tự TÍNH, sinh năm 1930 tại Trà Vinh, con của Đen và Lê Thị Xuyên, ngụ tại Long Sơn (Trà Vinh).

86. ĐẶNG THÀNH VINH, sinh năm 1917 tại Trà Vinh, con của Sóc và Đoàn Thị Vuốt, ngụ tại Nhị Trường (Trà Vinh).

## **SA ĐÉC**

87. HUỖNH KIM SƠN, sinh năm 1930 tại Sa Đéc, con của Khoai và Lê Thị Hưu, ngụ tại An Nhơn (Sa Đéc).

88. PHẠM VĂN HÊN tự HÊU, tự HỒNG SƠN, sinh năm 1915 tại Sa Đéc, con của Tường và Đoàn Thị Hào, ngụ tại Long Thắng (Sa Đéc).

89. VÕ VĂN SANG tự LONG, sinh năm 1928 tại Sa Đéc, con của Nhàn và Phạm Thị Ngoạt, ngụ tại Tân Nhuận Đông (Sa Đéc).

90. TRẦN NGỌC BÁU tự SANG, tự TRUNG QUANG, sinh năm 1930 tại Sa Đéc, con của Ngàn và Phạm Thị Hê, ngụ tại Tân Nhuận Đông (Sa Đéc).

91. NGUYỄN VĂN TUỔI tự THANH VÂN, sinh năm 1916 tại Cần Thơ, con của Hạnh và Thái Thị Cúc, ngụ tại Tân Phú Đông (Sa Đéc).

92. NGUYỄN QUANG SƠN tự SƠN TRANG tự PHẠM VĂN SÁU, sinh năm 1923 tại Cần Thơ, con của Mãng và Lê Thị Khiêu, ngụ tại Phú Hữu (Sa Đéc).

93. LÊ BẠCH HỒ tự THẾ, sinh năm 1919 tại Sa Đéc, con của Dương và Đinh Thị Giác, ngụ tại Tân Nhuận Đông (Sa Đéc).
94. LÊ VĂN NHƠN tự NHONG, sinh năm 1921 tại Sa Đéc, con của Cư và Lê Thị Long, ngụ tại Tân Phú Đông (Sa Đéc)
95. NGUYỄN VĂN ĐÔNG tự PHÚC, sinh năm 1923 tại Sa Đéc, con của Ban và Thái Thị Đều, ngụ tại Tân Khánh (Sa Đéc).
96. NGUYỄN VĂN HUỆ, sinh năm 1935 tại Sa Đéc, con của Danh và Nguyễn Thị Thanh, ngụ tại Tân Nhuận Đông (Sa Đéc).
97. NGUYỄN VĂN HIẾU tự Út Biên, sinh năm 1925 tại Sa Đéc, con của Hai và Lê Thị Tam, ngụ tại Long Hưng (Sa Đéc).
98. LÊ VĂN THU, sinh năm 1936 tại Sa Đéc, con của Hương và Nguyễn Thị Hai, ngụ tại Tân Khánh Đông (Sa Đéc).
99. HUỲNH VĂN BE, sinh năm 1933 tại Sa Đéc, con của Ba và Huỳnh Thị Hên, ngụ tại Tân Nhuận Đông (Sa Đéc).
100. LÊ VĂN DỰ, sinh năm 1935 tại Vĩnh Long, con của Thông và Võ Thị Giàu, ngụ tại Phú Quới (Vĩnh Long).

### **LONG XUYÊN**

101. LÊ NGỌC ẪN tự PHONG, sinh năm 1929 tại Bạc Liêu, con của Chấn và Huỳnh Thị Lượng, ngụ tại Long Xuyên.

### **TÂN AN**

102. PHAN VĂN DUY tự TRẦN VĂN THÀ, sinh năm 1931 tại Tân An, con của Mẫn và Nguyễn Thị Trị, ngụ tại An Lục Long (Tân An).
103. NGUYỄN HOÀNG HOANH tự LÊ VĂN SINH, sinh năm 1921 tại Tân An, con của Mạnh và Trần Thị Khải, ngụ tại số 190, đường J.J. Rousseau (Chợ Lớn).
104. NGUYỄN VĂN TÂM tự LÊ MINH, sinh năm 1932 tại Tân An, con của Ban và Lê Thị Nu, ngụ tại Tân Phước Tây (Tân An).
105. NGUYỄN SƠN HỒ, sinh năm 1918 tại Tân An, con của Hai và Nguyễn Thị An, ngụ tại Bình Nhật (Thủ Thừa - Tân An).
106. PHẠM TẤN LONG, sinh năm 1927 tại Tân An, con của Biên và Đặng Thị Đông, ngụ tại Bình Phong Thạnh (Tân An).
107. LÊ TẤN ON tự NGUYỄN VĂN VIÊN, sinh năm 1927 tại Tân An, con của Vàng và Võ Thị Huệ, ngụ tại Thuận Lý (Tân An).

### **SÓC TRĂNG**

108. BÚT VĂN ĐIỀU tự BÙI VĂN DE, sinh năm 1903 tại Cần Thơ, con của Huông và Lê Thị Lai, ngụ tại Long Bình (Sóc Trăng).